

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/BC-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2022

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 03/14/2023

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới và Công văn số 1433/UBXH15 ngày 06/02/2023 của Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa 15, Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2022 với những nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện

Để thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả công tác bình đẳng giới, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là bộ, ngành, địa phương) tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022, bao gồm: nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới, tổng kết 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới; tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới. 100% các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng Kế hoạch và triển khai công tác bình đẳng giới năm 2022.

2. Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược một cách hiệu quả, Chính phủ đã triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội

Chính phủ luôn chú trọng và thực hiện nghiêm túc việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới theo quy định của pháp luật hiện hành, từ đánh giá tác động chính sách, xây dựng và thẩm định văn bản trước khi ban hành hoặc trước khi trình Quốc hội để ban hành theo thẩm quyền. Trong năm 2022, đã xây dựng, tổ

chức thẩm định 32 đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); 251 dự án, dự thảo VBQPPL¹, trong đó có một số dự án Luật có nội dung liên quan trực tiếp đến công tác bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã được Quốc hội thông qua, một số dự án Luật tiếp tục được hoàn thiện để trình Quốc hội tại các kỳ họp tới, cụ thể như:

- Trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV. Luật được sửa đổi, bổ sung trên nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền con người, lấy người bị bạo lực gia đình làm trung tâm, trong đó quan tâm bảo vệ các đối tượng đặc thù như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

- Giao Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính để trình Quốc hội xem xét, đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh.

- Chỉ đạo xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dân số với mục tiêu khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của các quy định hiện hành; thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 và xây dựng dự thảo Nghị quyết mới về chính sách xã hội cho giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu hướng đến toàn dân, bao trùm và toàn diện; đáp ứng các nhu cầu an sinh xã hội và dịch vụ xã hội cho nhân dân, tạo cơ hội phát triển cho mọi người dân và không để ai bị bỏ lại phía sau; tạo nền tảng xây dựng xã hội tiến bộ, công bằng, bình đẳng, nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau; đáp ứng mục tiêu của nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Dự kiến Nghị quyết sẽ được trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII để thông qua vào Hội nghị Trung ương 7 khóa XIII.

- Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) dự kiến sẽ được trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023). Dự án Luật Việc làm (sửa đổi) dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Đây là hai dự án luật liên quan đến nhiều chính sách về bình đẳng giới, do đó hồ sơ trình các Dự án luật cần được đánh giá tác động giới một cách nghiêm túc, khoa học, cụ thể, đảm bảo lồng ghép được các vấn đề giới vào nội dung dự án luật.

¹ Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2022 của Bộ Tư pháp

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện đánh giá, tổng kết 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới, tổ chức các nghiên cứu, khảo sát về việc thực hiện bình đẳng giới trên một số lĩnh vực, nhóm đối tượng đặc thù, trên cơ sở đó, nghiên cứu, xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bình đẳng giới (sửa đổi).

Bên cạnh việc nghiên cứu, xây dựng các dự án luật, cuối năm 2021 và trong năm 2022, Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan trực tiếp đến lĩnh vực bình đẳng giới, đặc biệt là các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới trong các lĩnh vực liên quan như:

- Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới (thay thế cho Nghị định số 55/2009/NĐ-CP) với một số sửa đổi, bổ sung quan trọng như: quy định cụ thể hơn về các tổ chức được áp dụng trong Nghị định; bổ sung các quy định về hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới đang được thực hiện và hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc; điều chỉnh mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực bình đẳng giới và bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đặc biệt, Nghị định đã bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm” và “Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động đó”.

Việc ban hành Nghị định số 125/2021/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới. Qua đó, góp phần bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới nói riêng và các vi phạm pháp luật về bình đẳng giới nói chung. Bên cạnh đó, hệ thống các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan cũng đã được ban hành bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước như:

- Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022).

- Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 về sửa đổi, bổ sung 22 điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và 35 điều của Nghị

định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022).

- Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022).

- Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Nghị định số 128/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.

- Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân².

b) Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Việc lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm và ngày càng thực chất, hiệu quả hơn. Trong năm 2022, Chính phủ đã ban hành các văn bản phê duyệt các Chương trình, dự án được lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới³. Các bộ, ngành cũng đã chủ động thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chương trình thuộc lĩnh vực được phân công.

c) Triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

² Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của các đối tượng đặc thù, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

³ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình về phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới đến năm 2025; Quyết định số 96/QĐ-TTg ngày 19/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030⁴: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình, trong đó nêu rõ các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho từng hoạt động truyền thông theo từng giai đoạn.

Tổng hợp báo cáo cho thấy, hầu hết các địa phương tập trung vào truyền thông, giáo dục về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở, nhiều địa phương đã ứng dụng, khai thác những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông trên mạng xã hội.

Các hoạt động truyền thông thường xuyên về bình đẳng giới đã được các bộ, ngành, địa phương triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú⁵: Tin, bài, phóng sự, phát tờ rơi, tờ gấp; treo pano, áp phích; sản xuất và phát hành các sản phẩm truyền thông như: nón, quạt giấy, sổ tay hỗ trợ bầu cử, tổ chức cuộc thi về tranh cổ động, tổ chức các đợt chiếu phim, biểu diễn chương trình nghệ thuật, đăng tin bài, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đã được triển khai trên toàn quốc từ ngày 15/11-15/12/2022 với chủ đề “Đảm bảo an sinh xã hội, tăng quyền năng và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”. Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam đã có nhiều hoạt động hưởng ứng Tháng hành động, tạo thành chiến dịch truyền thông rộng lớn, lan toả các thông điệp, hình ảnh về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên toàn quốc. Điều này thể hiện sự đồng thuận và cam kết mạnh mẽ trong việc chung tay đấu tranh xóa bỏ bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới.

- Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025⁶: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chương trình⁷; tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước

⁴ Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ

⁵ Đài THVN đã triển khai truyền thông giáo dục pháp luật về bình đẳng giới trên các kênh sóng, nền tảng đa phương tiện. Các tin, bài, phóng sự tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực được tuyên truyền thường xuyên trên các bản tin thời sự VTV1 và các chuyên mục trên các kênh sóng, nền tảng đa phương tiện VTV, phối hợp với Vụ Bình đẳng giới, Bộ LĐTBXH thực hiện truyền hình trực tiếp, làm phóng sự chuyên sâu về các chương trình, sự kiện do Bộ phát động (Báo cáo của Đài THVN). Thông tấn xã Việt Nam tuyên truyền Chiến lược với hơn 2.300 tin thời sự, tin bài tổng hợp, ảnh thời sự, thông tin truyền hình, thông tin đồ họa, đồng thời lan toả thông tin trên nền tảng mạng xã hội trong đó có trang Facebook bằng tiếng Việt của TTXVN được xác thực.

⁶ Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

⁷ Công văn số 211/LĐTBXH-BĐG ngày 26/01/2021 của Bộ LĐTBXH gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Cơ quan Trung ương của các đoàn thể về việc triển khai Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Công văn số 212/LĐTBXH-BĐG ngày 26/01/2021 của Bộ LĐTBXH gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025.

và nhân viên công tác xã hội các kiến thức, kỹ năng liên quan; nhân rộng mô hình Trung tâm dịch vụ một cửa hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới (Ngôi nhà Ánh Dương) tại một số Trung tâm công tác xã hội; xây dựng và vận hành Mạng lưới đối tác hành động phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Để nắm bắt thực tiễn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện khảo sát đánh giá nhu cầu và năng lực cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới của các Cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên phạm vi toàn quốc⁸. Kết quả khảo sát cho thấy, bạo lực trên cơ sở giới vẫn diễn ra khá phổ biến ở một số địa phương, người bị bạo lực có nhu cầu tiếp cận các dịch vụ trợ giúp, song các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ tại nhiều địa phương còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng về điều kiện, tiêu chuẩn. Kết quả khảo sát giúp cho các cơ quan có thêm thông tin, số liệu thực tiễn nhằm nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới, Bộ Tư pháp đã xây dựng nhiều tài liệu hướng dẫn⁹ và tổ chức tập huấn cho Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên pháp lý, người tập sự Trợ giúp pháp lý, luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của một số Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”¹⁰: Bộ Nội vụ tích cực phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, đánh giá tình hình cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý để đề xuất xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ nữ theo lộ trình. Trong năm 2022, Bộ Nội vụ đã tổ chức 08 lớp tập huấn, nâng cao năng lực cho công chức lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng của các bộ, ngành và địa phương; 03 khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ của chính quyền địa phương tại nước ngoài.

d) Nâng cao năng lực và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về giới cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới và cán bộ pháp chế

Tính đến 31/12/2022, cả nước có 509 công chức làm công tác bình đẳng giới cấp tỉnh, trong đó có 39 người làm chuyên trách và 470 người làm kiêm nhiệm; cấp huyện có 2.653 người, trong đó có 176 công chức chuyên trách và

⁸ Báo cáo khảo sát về thực trạng nhu cầu và năng lực cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

⁹ Tài liệu hướng dẫn trợ giúp pháp lý (TGPL) cho nạn nhân bạo lực và nạn nhân bị mua bán; Tài liệu hướng dẫn TGPL nhạy cảm giới và phối hợp cho nạn nhân bạo lực và mua bán người; Một số lớp tập huấn TGPL cho người khuyết tật dựa trên quyền và nhạy cảm giới; cho nạn nhân bạo lực và nạn nhân bị mua bán và Tài liệu hướng dẫn TGPL nhạy cảm giới và phối hợp cho nạn nhân bạo lực và mua bán người.

¹⁰ Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

2.477 công chức kiêm nhiệm; ở cấp xã, công tác BDG do công chức Văn hóa - Xã hội kiêm nhiệm. Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thường xuyên luân chuyển, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến việc triển khai công tác bình đẳng giới. Do sự biến động về đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới nên các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác bình đẳng giới được các cơ quan trung ương và địa phương quan tâm triển khai. Theo thống kê, tổng số người đã được tập huấn nghiệp vụ về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ là: 83.432 người, trong đó nữ 44.921 người (chiếm 53,8%)¹¹. Bộ Nội vụ đã đưa vào chương trình và tổ chức giảng dạy chuyên đề “Vấn đề giới trong hoạt động công vụ” đối với các lớp bồi dưỡng theo ngạch chuyên viên cao cấp.

Các lớp tập huấn kiến thức về giới, kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, dự án,... cho đội ngũ cán bộ pháp chế, thanh tra, tư pháp tiếp tục được các bộ ngành, địa phương thực hiện. Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng, phổ biến Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật và bộ video hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

đ) Kinh phí cho công tác bình đẳng giới

Kinh phí thực hiện công tác bình đẳng giới nói chung, các Chương trình, Chiến lược về bình đẳng giới nói riêng được bố trí trong kinh phí thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Do hệ thống biểu mẫu báo cáo của địa phương và hệ thống mục lục ngân sách nhà nước không chi tiết nội dung chi cho hoạt động bình đẳng giới nên công tác thống kê, báo cáo về kinh phí dành cho công tác bình đẳng giới còn gặp khó khăn.

Các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đều lồng ghép nội dung về bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó

¹¹ Trong năm 2022, Bộ LĐTBXH phối hợp với các đối tác, địa phương tổ chức 11 lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, cụ thể: Tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cho gần 300 đại biểu; 03 lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho cán bộ địa phương tại Bắc Kạn, An Giang và Yên Bái; 02 lớp tập huấn mô hình Thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái tại Quảng Ninh và Thanh Hóa; 01 lớp tập huấn đào tạo giảng viên nguồn về an toàn với phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái cho 45 đại biểu ở 13 tỉnh, thành phố phía Bắc; 01 lớp Tập huấn Khung lý thuyết và thực hành toàn cầu “Tôn trọng phụ nữ” cho gần 50 đại biểu tại Hà Nội; 02 lớp tập huấn về ngân sách có trách nhiệm giới cho các đại biểu của các tỉnh, thành phố; 05 lớp tập huấn cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho người bị bạo lực trên cơ sở giới tại các tỉnh Điện Biên, Cà Mau, Đắk Nông, Hưng Yên, Ninh Thuận cho khoảng 300 đại biểu.

với bạo lực trên cơ sở giới và bố trí kinh phí từ năm 2022 để triển khai thực hiện các nội dung này, cụ thể.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 có dự án riêng về bình đẳng giới: Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” giai đoạn 2021-2025: Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) là 2.382,427 tỷ đồng và ngân sách địa phương là 5,385 tỷ đồng. Ngân sách trung ương bố trí năm 2022 (vốn sự nghiệp): Giao các bộ, cơ quan trung ương là 28,571 tỉ đồng; ngân sách trung ương giao bổ sung cho các địa phương là 209,519 tỉ đồng.

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Ngân sách giao cho các Tiểu dự án có nội dung liên quan đến bình đẳng giới (bao gồm các nội dung khác) giai đoạn 2021-2025 như sau: Tiểu dự án 2, Dự án 6: Ngân sách trung ương là 600 tỷ đồng (vốn sự nghiệp); vốn huy động hợp pháp khác là 100 tỷ đồng. Tiểu Dự án 1, Dự án 7: Ngân sách trung ương là 1.300 tỷ đồng (vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương là 100 tỷ đồng (vốn sự nghiệp); vốn huy động hợp pháp khác là 100 tỷ đồng. Ngân sách trung ương bố trí năm 2022 (vốn sự nghiệp): Tiểu dự án 2, Dự án 6: Giao các bộ, cơ quan trung ương là 13,6 tỉ đồng; ngân sách trung ương bổ sung cho các địa phương là 25,257 tỷ đồng; Tiểu dự án 1, Dự án 7: Giao các bộ, cơ quan trung ương là 28,8 tỉ đồng; ngân sách trung ương bổ sung cho các địa phương là 163,33 tỷ đồng.

Ngoài ra, ngân sách nhà nước còn bố trí kinh phí thực hiện nội dung số 06 thuộc nội dung thành phần số 08 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình không phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện theo nội dung thành phần). Bên cạnh đó, việc vận động nguồn lực từ các đối tác quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cũng góp phần quan trọng cho việc thực hiện công tác bình đẳng giới, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới ở cả cấp trung ương và địa phương.

e) Hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, được các bộ, ngành, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và các địa phương triển khai thường xuyên¹². Kết quả kiểm tra cho thấy hầu hết các địa phương đều nhận được quan tâm chỉ đạo trong triển

¹² Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tại các địa phương: Tuyên Quang, Thái Bình, Bình Định và Bình Phước; Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đã tổ chức 4 Đoàn kiểm tra tại 06 địa phương (Lâm Đồng, Khánh Hoà, An Giang, Hậu Giang, Yên Bái, Phú Thọ) và 2 bộ ngành (Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam).

khai và thực hiện Chiến lược. Tuy nhiên, các địa phương còn gặp một số khó khăn trong công tác thu thập số liệu của một số chỉ tiêu của Chiến lược (trong lĩnh vực kinh tế, lao động; lĩnh vực phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, lĩnh vực truyền thông); hạn chế về nguồn lực (con người, kinh phí) trong triển khai các giải pháp nhằm đạt các chỉ tiêu đề ra. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các bộ, ngành, địa phương đã đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên, có quy chế, phân công nhiệm vụ theo quy định, các hoạt động phối hợp liên ngành bước đầu đã được quan tâm triển khai; công tác cán bộ nữ của các đơn vị được kiểm tra mặc dù còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 song đã có những tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên, việc kiểm tra cũng cho thấy một số tồn tại như: chất lượng quy hoạch cán bộ nữ chưa cao, dẫn đến khoảng cách khá lớn giữa quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ; kinh phí bố trí cho hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ rất hạn chế.

g) Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Việt Nam luôn khẳng định vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia các diễn đàn hợp tác đa phương và song phương về bình đẳng giới; chủ động trao đổi và chia sẻ tại các diễn đàn của Liên hợp quốc những thông tin về chính sách và thực tiễn đảm bảo bình đẳng giới và quyền của phụ nữ¹³.

Đoàn đại biểu của Việt Nam do Phó Chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân dẫn đầu đã tham gia tích cực và có trách nhiệm ở Hội nghị Thượng đỉnh phụ nữ toàn cầu năm năm 2022 tại Thái Lan; Việt Nam đã tích cực, chủ động đóng góp các nội dung về bình đẳng giới và bảo vệ, thúc đẩy quyền và vai trò của phụ nữ tại Ủy ban 3 Đại hội đồng Nhân quyền; tích cực đóng góp vào Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình, An ninh và Hội đồng Bảo an, đặc biệt là về bảo đảm sự tham gia bình đẳng và đầy đủ của phụ nữ trong quá trình ra quyết định, lồng ghép quan điểm giới và sự tham gia của phụ nữ, trẻ em gái trong phòng ngừa, giải quyết và tái thiết hậu xung đột, đề xuất sáng kiến thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; chủ động đóng góp ý kiến, quan điểm vào các dự thảo nghị quyết có nội dung liên quan tới bình đẳng giới, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.

Xây dựng Báo cáo quốc gia định kỳ lần thứ 9 về tình hình thực hiện công ước CEDAW tại Việt Nam để báo cáo Ủy ban CEDAW; xây dựng và bảo vệ

¹³ Đoàn đại biểu của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH làm Trưởng đoàn tham dự và phát biểu tại Khóa họp thường niên lần thứ 66 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc (CSW).

- Tham dự Đối thoại trực tuyến giữa các lãnh đạo nữ khu vực Đông Nam Á và Australia với chủ đề Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái bị tác động bởi đại dịch COVID-19 trong khu vực này.

- Tham dự Hội nghị thượng đỉnh phụ nữ toàn cầu năm 2022; Tham dự các cuộc họp của Nhóm đối tác về của phụ nữ và kinh tế trong APEC; Xây dựng các đề xuất hợp tác và triển khai các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác quốc tế như UNFPA, UNWOMEN, KOICA, Plan...

thành công Báo cáo quốc gia định kỳ lần thứ 5 và thứ 6 về tình hình thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC NĂM 2022

1. Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị

Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

- Tính đến tháng 12/2022: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ chiếm 15/30 cơ quan, đạt 50% và tăng 3,4% so với năm 2021. Trong đó: các bộ, cơ quan ngang bộ có nữ lãnh đạo chủ chốt là nữ là 13/22, đạt 59%, tăng 6% so với năm 2021; các cơ quan thuộc Chính phủ có nữ lãnh đạo chủ chốt là nữ là 2/8, đạt 25%; có 03 nữ Bộ trưởng, 01 Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; 12 nữ Thứ trưởng và tương đương.

So với cuối năm 2021, số lượng và tỉ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt tăng đáng kể. Tỉ lệ các các bộ, cơ quan ngang bộ có nữ lãnh đạo chủ chốt đã tiệm cận với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025; các cơ quan thuộc Chính phủ có tỉ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt còn khiêm tốn (mới đạt 25% so với chỉ tiêu đề ra là 60%).

- Tỷ lệ Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (số liệu đầu nhiệm kỳ 2021-2025).

+ Cấp tỉnh: 37,70%

+ Cấp huyện: 31,77%

+ Cấp xã: 24,94%

Năm 2022, tỉ lệ lãnh đạo chủ chốt là nữ thuộc Ủy ban nhân dân các cấp không có nhiều biến động so với đầu nhiệm kỳ và còn khoảng cách khá xa so với chỉ tiêu đề ra.

2. Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa công bố số liệu chính thức, tuy nhiên, theo kết quả phân tích sơ bộ từ Điều tra lao động việc làm năm 2022, ước tính tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương là ¹⁴49,04% (năm 2021 là 43,4%), so với lao động nam là 55,65%.

Chỉ tiêu này tăng so với năm 2021 và có khả năng đạt vào năm 2025.

¹⁴ Theo kết quả phân tích sơ bộ của Viện Khoa học Lao động và Xã hội

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa công bố số liệu chính thức, tuy nhiên, theo kết quả phân tích sơ bộ từ Điều tra lao động việc làm năm 2022¹⁵, ước tính tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm là 28,45%. Tỷ trọng này trong năm 2021 là 28,63%.

Chỉ tiêu này giảm nhẹ so với năm 2021 và đã đạt chỉ tiêu đến năm 2025.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

Chỉ tiêu này được công bố 05 năm/lần, nguồn số liệu từ Tổng điều tra kinh tế. Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021, số liệu tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã năm 2020 đạt 28,2%¹⁶. Đạt mục tiêu của Chiến lược đến năm 2025.

3. Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.

Chỉ tiêu này được công bố 5 năm/lần (nguồn số liệu từ điều tra thống kê) do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thu thập và báo cáo số liệu, do đó năm 2022 chưa thống kê được chỉ tiêu này.

Tuy nhiên, theo kết quả phân tích sơ bộ từ Điều tra lao động việc làm năm 2022¹⁷; ước tính năm 2022, số giờ trung bình một ngày làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ gấp 1,78 lần so với nam giới (phụ nữ làm 2,35 giờ/ngày, nam giới làm 1,32 giờ/ngày). Năm 2021, kết quả gấp 1,96 lần.

Với kết quả này, chỉ tiêu này giảm so với năm 2021 và có khả năng đạt vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt

¹⁵ Theo kết quả phân tích sơ bộ của Viện Khoa học Lao động và Xã hội

¹⁶ Báo cáo số 218/TCTK-XHMT ngày 23/02/2023 của Tổng Cục Thống kê

¹⁷ Theo kết quả phân tích sơ bộ của Viện Khoa học Lao động và Xã hội

70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

Theo số liệu tổng hợp, năm 2022 có 4.454 vụ bạo lực gia đình, trong đó có 3.921 nạn nhân (481 nạn nhân là nam giới (12,27%), 3.440 nạn nhân là phụ nữ, chiếm 87,73%)¹⁸. Có 3.807/3.921 (97,07% nạn nhân được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản) như tư vấn; chăm sóc hỗ trợ sau khi bị bạo lực; hỗ trợ (cai nghiện rượu, điều trị rối loạn tâm thần do chất gây nghiện; đào tạo nghề, giới thiệu việc làm). (Năm 2021 số nạn nhân được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản là 4.454 người). Như vậy số nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện năm 2022 giảm 533 người so với năm 2021.

Chỉ tiêu đối với việc hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình đã đạt so với mục tiêu đề ra đến năm 2025 và 2030.

Theo thống kê trong năm 2022, tổng số người gây bạo lực gia đình là 3.975 người, trong đó nam giới là 3.574 (89,91%), nữ giới là 401 người (10,09%). Số người gây bạo lực gia đình bị chịu các hình thức xử lý là 3875/3975 người (97,5%), trong đó biện pháp chủ yếu là góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư (2953 người, chiếm 76,2%); áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc 43 người; Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã/phường/thị trấn 306 người; Xử phạt vi phạm hành chính 464 người; xử lý hình sự 109 người¹⁹.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

Theo báo cáo của các địa phương, năm 2022, số người được tiếp nhận, xác minh là 476 người; xác định 252 người là nạn nhân bị mua bán (tăng 145 người so với năm 2021), trong đó có 142 nạn nhân là nam giới, 110 là nữ giới.

Căn cứ nhu cầu, nguyện vọng của nạn nhân, các cơ quan liên quan đã hỗ trợ cho 252 nạn nhân (bao gồm cả những nạn nhân trở về từ những năm trước)²⁰. Các nạn nhân được trợ giúp nơi tạm lánh, hỗ trợ y tế, pháp lý, tư vấn tâm lý, được đưa về địa phương và bàn giao cho gia đình chăm sóc, giúp đỡ.

Chỉ tiêu này có thể đạt so với mục tiêu của Chiến lược đến năm 2025.

- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

¹⁸ Báo cáo Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2022 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

¹⁹ Theo Báo cáo của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

²⁰ Báo cáo số liệu của Cục Phòng chống tệ nạn xã hội năm 2022.

Hiện nay, 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập đều triển khai nhiệm vụ trợ giúp cho đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động theo quy định²¹. Tuy nhiên, số trung tâm công tác xã hội/ bảo trợ xã hội triển khai cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới với đầy đủ các dịch vụ vẫn còn ít, mới chiếm khoảng 20%. Để mở rộng đối tượng được trợ giúp cũng như cung cấp đầy đủ hơn các dịch vụ trợ giúp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, Chính phủ đang tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng được việc cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

4. Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

Theo số liệu của Bộ Y tế, tỷ số giới tính khi sinh năm 2022 ở Việt Nam là 113,7 bé trai/100 bé gái²², tăng 1,7% so với năm 2021 (112 bé trai/100 bé gái). Tuy nhiên, theo số liệu tính toán của Tổng Cục thống kê qua cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình: Tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam thời điểm 01/4/2022 là 111,5 bé trai/100 bé gái, giảm so với thời điểm 01/4/2021.²³

Để thúc đẩy triển khai chỉ tiêu này, Chính phủ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, trong đó tập trung triển khai Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025, Chương trình truyền thông về dân số giai đoạn 2021-2030 và giao Bộ Y tế xây dựng các văn bản hướng dẫn chuyên môn, chỉ đạo, triển khai các giải pháp kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu đề ra.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

Theo Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ lệ tử vong mẹ đã giảm rõ rệt từ 69/100.000 trẻ đẻ sống năm 2009 xuống còn 46/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2019 (Chỉ tiêu này được thu thập và công bố 10 năm/lần dựa trên kết quả các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở, nên không có số liệu năm 2022), ước tính đến năm 2025²⁴ còn 42/100.000 trẻ đẻ sống.

²¹ Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

²² Báo cáo số 137/BC-BYT ngày 13/02/2023 của Bộ Y tế về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới 2022.

²³ Theo nội dung góp ý của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

²⁴ Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em giai đoạn 2021-2025

- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.

Theo kết quả điều tra biến động dân số, tỷ suất sinh ở vị thành niên năm 2020 là 23‰ và năm 2021 là 18‰²⁵ và năm 2022 là 16‰. Đạt chỉ tiêu Chiến lược đề ra đến năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất một cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới đạt 40% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

Theo Báo cáo của Bộ Y tế, hiện nay tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên cả nước đều thực hiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe đối với mọi người dân, không có sự phân biệt người đồng tính, song tính và chuyển giới. Hiện chưa có địa phương nào triển khai thiết lập cơ sở y tế riêng cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới.

5. Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi.

Thực hiện chỉ tiêu này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai xây dựng đề án đưa nội dung giảng dạy về bình đẳng giới vào chương trình đào tạo giáo viên. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu bình đẳng giới trong giáo dục đã được Bộ GDĐT ban hành tại Quyết định 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022. Sau 01 năm triển khai Kế hoạch, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức khảo sát thực trạng theo các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch vào quý II năm 2023 và sẽ báo cáo chi tiết kết quả đạt được sau khi hoàn thành khảo sát thực trạng nói trên (Bộ GDĐT đã đưa vào kế hoạch nhiệm vụ năm 2023 tại Quyết định số 242/QĐ- BGDĐT).

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

Các chỉ tiêu bình đẳng giới trong giáo dục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Quyết định 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022. Sau 01 năm triển khai Kế hoạch, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức khảo sát thực trạng triển khai đến hết năm 2022 theo các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch vào quý II năm 2023 nên chưa có số liệu chi tiết và sẽ báo cáo chi tiết kết quả đạt được sau khi hoàn thành khảo sát thực trạng nói trên (Bộ GDĐT đã đưa vào kế hoạch nhiệm vụ

²⁵ Báo cáo số 137/BC-BYT ngày 13/02/2023 của Bộ Y tế về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới 2022.

vụ năm 2023 tại Quyết định số 242/QĐ- BGDDĐT).

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

Hiện nay chỉ tiêu này chưa được thống kê đầy đủ. Theo số liệu thống kê năm 2021, tổng số học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp 1.570.895 người, trong đó nữ là 542.076 người, chiếm 34,5% (tăng 2,9% so với năm năm 2020). Đạt chỉ tiêu của Chiến lược đề ra đến năm 2025.

Ngày 30/12/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2239/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó đề ra chỉ tiêu đến năm 2025 học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới và đến năm 2030 học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới đồng thời có những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện chỉ tiêu này, phấn đấu đến năm 2030 đạt được mục tiêu Chiến lược đề ra.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

Chỉ tiêu này chỉ được tổng hợp 5 năm/lần từ Tổng điều tra dân số và nhà ở và Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ. Số liệu hiện chưa tổng hợp được hàng năm do Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình có cỡ mẫu nhỏ, không đủ đại diện để tổng hợp.

Tuy nhiên, trên cơ sở kết quả năm 2019 với tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ là 44,2%, tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ là 28% và xu hướng tỉ lệ nữ tham gia các bậc học cao ngày càng tăng, khả năng các chỉ tiêu này sẽ đạt mục tiêu vào năm 2025 và 2030.

6. Mục tiêu 6: Trọng lĩnh vực thông tin, truyền thông

- Chỉ tiêu 1: Phấn đấu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.

Hiện chỉ tiêu này chưa được điều tra hoặc khảo sát để có số liệu thống kê chính thức. Tuy nhiên, theo báo cáo từ các bộ, ngành, địa phương trong năm 2022 có khoảng gần 100.000 sự kiện truyền thông, chương trình được tổ chức trực tiếp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ước tính có khoảng gần 50% dân số được tiếp cận các thông tin, kiến thức về bình đẳng giới với các mức độ khác nhau. Hình thức truyền thông phong phú, đa dạng và ngày càng sáng tạo (trên các kênh phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử, cổng/trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội).

- Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.

Theo báo cáo từ các bộ, ngành địa phương, hiện nay về cơ bản các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin, pháp luật về bình đẳng giới. Tuy nhiên, chưa có khảo sát, đánh giá mức độ phổ biến và cam kết thực hiện bình đẳng giới của các cơ quan.

- Chỉ tiêu 3. Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.

Theo báo cáo của các địa phương, cơ bản các xã phường đều có tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở, tuy nhiên số lượng tin/ bài thời lượng phát sóng còn chưa đều, chủ yếu tập trung vào các thời điểm như Tháng hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các ngày lễ 8/3, 20/10.

- Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở Trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng tháng.

Theo báo cáo của các địa phương, 100% đài phát thanh và đài truyền hình địa phương đã có và tiếp tục duy trì các chuyên mục, chuyên trang về bình đẳng giới dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, được phát sóng định kỳ. Một số đài địa phương đã có và vẫn duy trì chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đề tài bình đẳng giới tới đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Đạt mục tiêu của Chiến lược đề ra.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tổng quan kết quả đạt được

a) Công tác chỉ đạo, điều hành

Công tác bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Quốc hội ngày càng đẩy mạnh việc thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và trong các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội thông qua. Chính phủ đã tích cực, chủ động ban hành và hướng dẫn triển khai các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chiến lược, chương trình về bình đẳng giới. Các bộ, ngành, địa phương đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược.

b) Về tổ chức triển khai và kết quả thực hiện

- Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện theo

hướng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Quốc hội đẩy mạnh việc thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm và trong các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội thông qua, bảo đảm tính khả thi, làm rõ trách nhiệm và nguồn lực. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới được xây dựng, sửa đổi, góp phần đảm bảo và thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Đặc biệt, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) được thông qua đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình và hỗ trợ cho nạn nhân, đảm bảo quyền con người và thúc đẩy bình đẳng giới. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện các chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án,... đã được thực hiện tương đối nghiêm túc.

- Công tác truyền thông về bình đẳng giới được tăng cường với sự tham gia tích cực của các bộ, ngành, cơ quan, địa phương, góp phần nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về thực hiện bình đẳng giới.

- Nhìn chung, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đều có những tiến bộ so với năm 2021, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Số lượng và tỉ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có lãnh đạo chủ chốt tăng so với năm 2021 và tiệm cận với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025. Các chỉ tiêu đã đạt mục tiêu đến năm 2025 tiếp tục được duy trì. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2022 do Diễn đàn kinh tế thế giới công bố vào tháng 7/2022, chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2022 là 83/146 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2021 (năm 2021 Việt Nam xếp thứ 87/144 quốc gia), trong đó các chỉ số về trao quyền cho phụ nữ, lĩnh vực sức khỏe và giáo dục có những bước tiến bộ rõ rệt.

- Kinh phí cho công tác bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm, bố trí và lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, từng bước đảm bảo nguồn lực cho việc triển khai các nhiệm vụ của lĩnh vực bình đẳng giới.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Công tác chỉ đạo, giám sát, đánh giá của cấp ủy đảng, người đứng đầu các đơn vị ở một số bộ, ngành, địa phương đối với việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới nói chung, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 nói riêng chưa được kịp thời, sát sao. Các kế hoạch triển khai thực hiện còn chung chung chưa gắn với điều kiện cụ thể của địa phương, đặc biệt thiếu các giải pháp cụ thể, đồng bộ khi triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu.

- Bộ máy quản lý Nhà nước và nhân sự làm công tác bình đẳng giới vẫn thiếu tính ổn định. Số lượng công chức quản lý nhà nước chuyên trách về công tác bình đẳng giới ở các ngành, các cấp, nhất là ở cơ sở còn ít. Cán bộ làm công

tác trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp huyện, xã có sự biến động nhiều và phải kiêm nhiệm nhiều việc nên hiệu quả triển khai nhiệm vụ còn nhiều hạn chế và chưa thực chất.

- Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới vẫn tiếp tục còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các công cụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thi hành pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về bình đẳng giới, thông tin về giới ở nhiều lĩnh vực còn thiếu và chưa đồng bộ. Một số chỉ tiêu của Chiến lược được thu thập, đánh giá thông qua các cuộc Tổng điều tra, khảo sát nên không có số liệu để báo cáo, đánh giá hằng năm. Tỷ lệ các cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ có tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt còn khiêm tốn, do các vị trí lãnh đạo này thường ít có biến động trong nhiệm kỳ nên việc thực hiện các giải pháp cần có thời gian khá dài để đưa lại kết quả rõ rệt.

- Chưa ban hành Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm ở cấp quốc gia và địa phương.

IV. KIẾN NGHỊ

a) Đối với Quốc hội

- Tăng cường các hoạt động thẩm tra, giám sát việc lồng ghép giới trong xây dựng các luật, pháp lệnh.

- Tăng cường các hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới tại các bộ, ngành, địa phương.

- Tiếp tục quan tâm trong phê duyệt, phân bổ kinh phí để thực hiện bình đẳng giới và các nội dung về bình đẳng giới trong các Chương trình, Kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình xem xét, thông qua ngân sách, các chương trình đầu tư công.

b) Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động giám sát cũng như hướng dẫn, chỉ đạo cấp cơ sở giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhất là tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan từ trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; tăng cường phối hợp trong tham gia xây dựng và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

- Tăng cường vận động nguồn lực, phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Song song với việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Chiến lược, để thực hiện hiệu quả Chiến lược cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Các Bộ, ngành được phân công nhiệm vụ thực hiện Chiến lược cần chủ động, kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai, xây dựng công cụ thu thập, theo dõi thông tin, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành một cách kịp thời, chính xác làm căn cứ để Chính phủ rà soát, điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu cho phù hợp.

2. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; trong đó tập trung nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bình đẳng giới (sửa đổi), Luật Chuyển đổi giới tính; Luật Dân số; xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) và các văn bản có liên quan.

3. Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê về giới của quốc gia. Tăng cường hợp tác, cung cấp và chia sẻ dữ liệu thống kê giới, tổ chức các cuộc khảo sát, thống kê, nghiên cứu liên quan để có các số liệu phục vụ cho công tác thống kê, báo cáo về bình đẳng giới.

4. Đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên giải quyết vấn đề phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ ở vùng điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, chú ý đến điều kiện tiếp cận giáo dục, tăng cơ hội học tập cho trẻ em gái, học sinh nữ.

5. Quan tâm triển khai các giải pháp nhằm thực hiện các giải pháp mục tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, trong đó tập trung thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”.

6. Tăng cường năng lực, bộ máy làm công tác bình đẳng giới ở các cấp, trong đó chú trọng bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới, tiếp tục đào tạo, nâng cao năng lực để đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Nghiên cứu, xây dựng thí điểm bộ chỉ số xếp hạng bình đẳng giới cấp tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban quốc gia VSTBPN Việt Nam;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2b). *74*

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**



Đào Ngọc Dung